

Phụ lục XXVIII

**MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN VINACAPITAL**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20220615/VCFM-VinaCapital - VLBF

TP.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2022

**THÔNG BÁO**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán**

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN VINACAPITAL (VinaCapital - VLBF)** như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Toàn văn bản	VLBF	VinaCapital-VLBF	Sửa đổi tên Quỹ
2.	Chương II Định nghĩa và diễn giải		<b>Các định nghĩa khác:</b>  <b>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.</b>	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật.
3.	Chương IV – 3.5. Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ		Cập nhật dữ liệu đến hết năm 2021.	Cập nhật dữ liệu mới nhất
4.	Chương IX – Phần 3.2.6 – Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư		<b>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</b>	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật.
5.	Chương X – Phần 12.2.5 – Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ Quỹ	Giá Trị Tài Sản Ròng tại mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ sẽ được tính làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.	Giá Trị Tài Sản Ròng của một chứng chỉ Quỹ tại mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ sẽ được tính làm tròn xuống đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.	Cập nhật thông tin cho phù hợp với tình hình hoạt động của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
6.	Chương X – Phần 12.2.8 – Trường hợp giá trị tài sản ròng bị định giá sai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định <b>pháp luật liên quan kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai</b> , đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.	Cập nhật cho phù hợp với thay đổi trong Điều lệ
7.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo <b>một trong các phương pháp sau</b> : <ul style="list-style-type: none"> <li>Mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc;</li> <li>Một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</li> </ul>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
8.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.  Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các	Được xác định theo giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.  Trong trường hợp <b>sau</b> : <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá,</li> <li><b>Chỉ có giao dịch trên hệ thống</b></li> </ul>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>phương pháp sau đây:</p> <p>(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	<p><b>giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá.</b></p> <p><b>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.</b></p> <p>giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây:</p> <p>(i) <del>Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</del></p> <p>(ii) <del>Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</del></p> <p>Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	
9.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá trái phiếu niêm yết được chấp thuận nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và trái phiếu hủy niêm yết		<b>Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá</b>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
10.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc:</p> <p>i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận</p>	<p><b>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</b></p> <p>i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>ii) Giá mua (<b>giá sạch</b>) cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>iv) Giá xác định theo phương pháp <b>khác</b> đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
11.	Chương X – Phần 12.5 –	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy	Làm rõ thông tin theo quy

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Định giá cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p> <p>(i) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua; hoặc</p> <p>Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.</p>	<p>thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p> <p><b>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá, hoặc</b></p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>vi) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.</p>	định tại Sổ tay định giá của Quý.
12.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên		<b>Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.</b>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quý.
13.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết		<p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quý.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá mua; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> </ul> <p>Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>	
14.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết		<b>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.</b>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
15.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá chứng khoán phái sinh niêm yết		<b>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá</b>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
16.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính		<b>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</b>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	đến ngày định giá			
17.	Chương X – Phần 12.5 – Định giá các tài sản được phép đầu tư khác		Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
18.	Chương X – Phần 12.5 – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh		<p>4.1 Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế</p> <p>4.2 Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở; Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.</li> <li>- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán; Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.</li> <li>- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.</li> </ul>	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>1. Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua): Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta (**)</p> <p>2. Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua): Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta</p> <p>3. Hợp đồng tương lai chỉ số: Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại</p> <p>4. Hợp đồng tương lai trái phiếu: Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao</p> <p>5. Các hợp đồng khác: Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p> <p>(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p>	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</p> <p>(***) Nếu Quý nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p>	
19.	Chương XII – Phần 3.1.3 Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ	Các khoản thuế phát sinh từ giao dịch Chứng chỉ quỹ (nếu có) được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi.	<p>Các khoản thuế phát sinh từ giao dịch Chứng chỉ quỹ (nếu có) và <b>phí ngân hàng (nếu có)</b> được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi.</p> <p>Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua, giá dịch vụ bán đối với các lệnh thực hiện theo quy trình chuyển đổi.</p>	Cập nhật thông tin cho phù hợp với tình hình hoạt động của Quỹ.
20.	Chương XII – Phần 3.2.6 Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	Giá dịch vụ ĐLCN cố định hàng tháng:  Biểu giá: Mười triệu (10.000.000) đồng/tháng	<p>Giá dịch vụ ĐLCN cố định hàng tháng: Biểu giá: <b>Trước ngày 01/07/2022:</b> Mười triệu (10.000.000) đồng/tháng <b>Từ ngày 01/07/2022:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mức 1:</b> 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quý có tần suất giao dịch trên hai (02) phiên/tuần</li> <li>- <b>Mức 2:</b> 10.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quý có tần suất giao dịch ít hơn hoặc bằng hai (02) phiên/tuần</li> </ul> <p>Trường hợp Quý thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ</p>	Cập nhật thông tin về biểu giá dịch vụ của dịch vụ đại lý chuyển nhượng



STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<b>được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi</b>	
21.	Chương XVII – Phụ lục 01: Quy trình và các hướng dẫn giao dịch đơn vị Quỹ	Đối với NĐT là cá nhân, bản sao CMND, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và bản gốc để đổi chiếu. Đối với NĐT là cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam và không thể cung cấp bản gốc hộ chiếu để Đại Lý Phân Phối đổi chiếu, NĐT cung cấp bản sao chứng thực được chứng nhận lãnh sự bởi cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam (trong vòng ba (03) tháng gần nhất).	Đối với NĐT là cá nhân, bản sao CMND, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn ít nhất sáu (06) tháng và bản gốc để đổi chiếu. Đối với NĐT là cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam và không thể cung cấp bản gốc hộ chiếu để Đại Lý Phân Phối đổi chiếu, NĐT cung cấp bản sao chứng thực được chứng nhận lãnh sự bởi cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam (trong vòng ba (03) tháng gần nhất). <b>mã giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán</b>	Chỉnh sửa cho phù hợp cơ chế quản lý hiện hành của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD)


- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 30/06/2022 (15 ngày kể từ ngày nộp Bản Cáo Bạch cập nhật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản).
- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

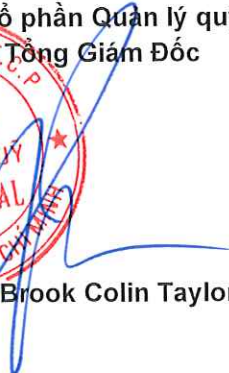
**Hồ sơ kèm theo:**

(Liệt kê đầy đủ)

- Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung

**Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital**  
**Tổng Giám Đốc**



  
**Brook Colin Taylor**

